

Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2026

“V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn,
nuôi con chung, nợ chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Minh

Ông Đinh Hoài Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2025/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 04 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Ngô Văn N - Sinh năm: 1980 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã L, tỉnh An Giang

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng C.

- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Dương Quyết T1 - Là tổng giám đốc

- **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Đặng Thanh D - sinh năm: 1980. Có mặt

Địa chỉ: ấp C, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh N tự tìm hiểu nhau 01 năm thì được gia đình tổ chức đám cưới năm 2005. Đến năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không phù hợp tính ý và mâu thuẫn trong kinh tế gia đình. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay Chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh N có 03 con chung tên Ngô Chí N1 - sinh ngày: 24/6/2006 và Ngô Chí H - sinh ngày: 26/9/2013 và Ngô Gia H1 - sinh ngày: 13/01/2015. Hiện 03 con đang chung sống với anh N. Chị T đồng ý tiếp tục giao 03 con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn - anh Ngô Văn N trình bày:

Anh N xác định quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, chị T đã tự ý bỏ nhà đi từ ngày 19/01/2021, bỏ lại anh và các con, anh N đã nhiều lần tìm kiếm, muốn gặp mặt chị T để hàn gắn mâu thuẫn nhưng không gặp được chị T do chị T cố tình lẩn tránh. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã có mặt theo triệu tập của Tòa án, mong muốn vợ chồng gặp nhau để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng chị T cũng không có mặt. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý do mâu thuẫn cũng trầm trọng, anh không hàn gắn được.

Về con chung: Hiện cháu N1 đã trưởng thành. Các cháu Ngô Chí H và Ngô Gia H1 đang chung sống với anh. Anh N đồng ý tiếp tục nuôi cháu H và cháu H1, anh N yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ từ khi chị T bỏ nhà đi cho tới nay anh phải tự nuôi dưỡng, chăm sóc các con, vừa phải lo kinh tế gia đình, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N xác định vợ chồng chung sống có nhiều khoản nợ chung, khi chị T bỏ nhà đi anh N phải tự chi trả nhiều khoản nợ, hiện vợ chồng còn khoản nợ chung vay Ngân hàng C, các khoản nợ gốc và nợ lãi đúng như yêu cầu độc lập của Ngân hàng C đã nêu. Anh N yêu cầu chị T phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C - ông Đặng Thanh D trình bày:

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 19/9/2025 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C - ông Đặng Thanh D trình bày:

Ngân hàng C xác định ngày 08/6/2020 hộ anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị T thuộc đối tượng hộ cận nghèo, đã vay vốn tại Ngân hàng với số tiền vốn gốc là 40.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/6/2025, có gia hạn thêm thời hạn trả nợ đến ngày 7/4/2026, lãi suất 7.92%/năm. Anh N và chị T đã trả lãi 7.333.127 đồng, tính đến ngày xét xử ngày 22/4/2026 còn nợ lại tiền lãi 11.208.400 đồng.

Ngày 08/7/2021, hộ anh N và chị T, tiếp tục vay có vay vốn theo chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 08/7/2021 đến ngày 08/7/2026, có gia hạn thêm thời hạn trả nợ, lãi suất 09%/năm, đã trả lãi 1.996.315 đồng, tính đến ngày xét xử ngày 22/4/2026 còn nợ lại tiền lãi 6.582.212 đồng.

Hiện các khoản nợ chưa đến hạn nhưng anh N và chị T ly hôn nên Ngân hàng không đồng ý cho khách hàng gia hạn nữa. Ngân hàng C yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập, yêu cầu anh N và chị T cùng chịu trách nhiệm

trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo các khoản vay nêu trên, cụ thể tổng nợ gốc của 02 khoản vay là 60.000.000 đồng và tổng nợ lãi tính đến ngày 22/4/2026 là 17.790.612 đồng. Đối với ý kiến xin trả dân của anh N và chị T thì Ngân hàng sẽ xem xét khi thi hành án, sẽ tạo điều kiện cho khách hàng thanh toán nợ phù hợp với điều kiện kinh tế.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, anh N cũng đồng ý ly hôn do mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hàn gắn được nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh N có 03 con chung tên Ngô Chí N1 - sinh ngày: 24/6/2006 và Ngô Chí H - sinh ngày: 26/9/2013 và Ngô Gia H1 - sinh ngày: 13/01/2015. Hiện 03 con đang chung sống với anh N. Hiện cháu N1 đã trưởng thành. Cháu H và cháu H1 đang chung sống với anh N, các cháu H và H1 đều trên 07 tuổi, các cháu có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với anh N. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu H và H1 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Xét thấy việc anh N yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, các cháu H và H1 đều đang tuổi ăn học, chi phí chăm sóc, giáo dục con chung là cần thiết, phục vụ nhu cầu thiết yếu nhằm đảm bảo sự phát triển của các con. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 82 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và H1 theo quy định cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nợ chung: Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 19/9/2025, Ngân hàng C xác định chị T và anh N đã vay vốn tại Ngân hàng. Ngân hàng C yêu cầu anh N và chị T cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo các khoản vay nêu trên, cụ thể tổng nợ gốc của 02 khoản vay là 60.000.000 đồng và tổng nợ lãi tính đến ngày 22/4/2026 là 17.790.612 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị T đều xác định có vay vốn theo 02 chương trình mà đại diện Ngân hàng chính sách trình bày, hiện chưa thanh toán tiền vay gốc và còn nợ tiền lãi. Do đó yêu cầu độc lập của Ngân

hàng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C, buộc chị T và anh N cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung.

Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo định kỳ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Ngô Văn N. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 3 Điều 26, Ngân hàng C yêu cầu anh N và chị T trả nợ vay nên đây là tranh chấp nợ chung (hợp đồng vay tài sản) theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, được triệu tập đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa do sức khỏe. Xét thấy sự vắng mặt của chị T không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn N chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2012 anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh N cũng xác định chị T đã tự ý bỏ nhà đi từ năm 2021, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....*”. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N đồng ý ly hôn do vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã ly thân nhiều năm. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh N ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngô Văn N.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Chị T và anh N cùng xác định quá trình chung sống anh chị có 03 con chung tên Ngô Chí N1 - sinh ngày: 24/6/2006 và Ngô Chí H - sinh ngày: 26/9/2013

và Ngô Gia H1 - sinh ngày: 13/01/2015. Hiện 03 con đang chung sống với anh N. Chị T đồng ý giao các con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N cũng thống nhất tiếp tục nuôi 02 cháu H và H1. Xét thấy, từ khi chị T bỏ nhà đi thì anh N là người trực tiếp chăm sóc và giáo dục con, hiện các cháu đảm bảo sức khỏe và được đi học bình thường. Cháu N1 đã trưởng thành, các cháu H và H1 đều trên 07 tuổi, các cháu có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với anh N. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu H và H1 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.2.2] Về cấp dưỡng: Anh N yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và H1 theo mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Xét thấy các cháu H và H1 đều đang tuổi ăn học, chi phí chăm sóc, giáo dục con chung là cần thiết, phục vụ nhu cầu thiết yếu nhằm đảm bảo sự phát triển của các con. Chị T đã bỏ nhà đi từ năm 2022, để lại các con cho anh N trực tiếp chăm sóc, không quan tâm, nuôi dưỡng, không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người mẹ đối với các con theo quy định tại khoản 2 Điều 69 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc khác anh N hiện là lao động tự do, thu nhập không ổn định, việc đảm bảo chi phí nuôi dạy các con cần nhiều chi phí nên cần buộc chị T chịu trách nhiệm cấp dưỡng, hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho các con. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 82, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình cần buộc chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, hiện mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử là 2.340.000 đồng/01 tháng, mức cấp dưỡng nuôi con không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở nên Hội đồng xét xử buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và H1, mỗi cháu là 1.500.000 đồng/01 tháng, mỗi tháng cấp dưỡng một lần, thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu độc lập ngày 19/9/2025, Ngân hàng C xác định chị T và anh N đã vay vốn tại Ngân hàng các khoản bao gồm: Ngày 08/6/2020, hộ anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị T thuộc đối tượng hộ cận nghèo, đã vay vốn tại Ngân hàng với số tiền vốn gốc là 40.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/6/2025, có gia hạn thêm thời hạn trả nợ, lãi suất 7.92%/năm. Anh N và chị T đã trả lãi 7.333.127 đồng, tính đến ngày xét xử ngày 22/4/2026 còn nợ lại tiền lãi 11.208.400 đồng.

Ngày 08/7/2021, hộ anh N và chị T, tiếp tục vay có vay vốn theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 08/7/2021 đến ngày 08/7/2026, có gia hạn thêm thời hạn trả nợ, lãi suất 09%/năm, đã trả lãi 1.996.315 đồng, tính đến ngày xét xử ngày 22/4/2026 còn nợ lại tiền lãi 6.582.212 đồng.

Ngân hàng C yêu cầu anh N và chị T cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo các khoản vay nêu trên, cụ thể tổng nợ gốc của 02 khoản vay là 60.000.000 đồng và tổng nợ lãi tính đến ngày 22/4/2026 là 17.790.612 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị T đều xác định có vay vốn theo 02 chương trình mà đại diện Ngân hàng chính sách trình bày, hiện chưa thanh toán tiền vay gốc và còn nợ tiền lãi. Nay anh và chị T ly hôn thì anh N yêu cầu chị T phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung vì cả khoản nợ này đều phục vụ chung trong gia đình.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2026, chị T đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung đối với khoản vay của Ngân hàng C. Chị T đồng ý trả 50% nợ gốc và lãi, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên chị T yêu cầu trả dần số nợ, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng C giao nộp và ý kiến của các đương sự đều xác định và thừa nhận sự việc vay vốn.

Các hợp đồng nêu trên được các bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, bảo đảm về mặt nội dung và hình thức nên căn cứ Điều 117, Điều 119 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Việc thỏa thuận lãi suất cho vay phù hợp với quy định của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên sự thỏa thuận trên giữa Ngân hàng C và anh N - chị T là hợp pháp. Ngân hàng C yêu cầu anh N và chị T tất toán các khoản vay trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét thấy các khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích sử dụng vốn phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc anh N và chị T cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C, mỗi người chịu trách nhiệm trả số nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 8.895.306 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T và anh N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận ký kết.

Đối với ý kiến xin trả dần số nợ của Ngân hàng C của anh N và chị T sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013168 ngày 16/4/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng.

Chị T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là: 38.895.306 đồng x 5% = 1.944.765 đồng.

Anh N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là: 38.895.306 đồng x5% = 1.944.765 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 27, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 117, Điều 119 và Điều 280, Điều 463 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngô Văn N.

2. Về con chung: Giao 02 cháu tên Ngô Chí H - sinh ngày: 26/9/2013 và Ngô Gia H1 - sinh ngày: 13/01/2015 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu Ngô Chí H - sinh ngày: 26/9/2013 và Ngô Gia H1 - sinh ngày: 13/01/2015, mỗi cháu là 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng/01tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 22/4/2026 cho đến khi cháu H và cháu H1 đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C đối với anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Ngô Văn N phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 22/4/2026 là 8.895.306 đồng (Tám triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ sáu đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 22/4/2026 là 8.895.306 đồng (Tám triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T và anh N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận ký kết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013168 ngày 16/4/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Chị T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Chị T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là: $38.895.306 \text{ đồng} \times 5\% = 1.944.765 \text{ đồng}$ (*Một triệu, chín trăm, bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng*).

Anh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là: $38.895.306 \text{ đồng} \times 5\% = 1.944.765 \text{ đồng}$ (*Một triệu, chín trăm, bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng*).

Báo cho anh N, Ngân hàng C biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày tuyên án (ngày 22/4/2026). Chị T được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND KV5-AG;
- THADS tỉnh AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thúy An